Đối với khu vực thành thị, nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội, tuổi kết hôn trung bình lần đầu theo giới tính thể hiện ở biểu 2.4 dưới đây.

Table 2.4 presents the singulate mean age at marriage by urban/rural and social-economic region.

BIỂU (TABLE) 2.4:

TUỔI KẾT HÔN TRUNG BÌNH LẦN ĐẦU CỦA NAM VÀ NỮ VÀ CHÊNH LỆCH CỦA SMAM GIỮA NAM VÀ NỮ THEO 6 VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI, VIỆT NAM 2008

SINGULATE MEAN AGE AT MARRIAGE AND DIFFERENTIAL IN SMAM BY SEX AND REGION, VIETNAM 2008

Vùng và nơi cư trú Place of residence/ Region	SMAM		Chênh lệch SMAM (Nam-nữ)
	Nam	Nữ	
Toàn quốc – Whole country	**26,4**	**23,1**	**3,3**
Thành thị - Urban	***28,4***	***24,8***	***3,6***
Nông thôn - Rural	***25,9***	***22,5***	***3,4***
1. Trung du và miền núi phía Bắc Northern Midlands and Uplands	24,6	21,8	2,8
2. Đồng bằng sông Hồng Red River Delta	26,4	22,8	3,6
3. Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung North Central and South Central Coast	27,2	23,4	3,8
4. Tây Nguyên Central Highlands	26,0	22,5	3,5
5. Đông Nam bộ Southeast	28,1	24,7	3,4
6. Đồng bằng sông Cửu Long Mekong River Delta	26,4	23,0	3,4

Tuổi kết hôn trung bình lần đầu có sự khác biệt theo nơi cư trú. Với cả 2 giới, SMAM của thành thị đều cao hơn của nông thôn. Từ 2006 -2008, SMAM của nam thành thị cao hơn của nam nông thôn là 2,5 năm. SMAM nữ thành thị năm 2006 cao hơn của nữ nông thôn là 2,1 năm và sự khác biệt đó đã tăng lên 2,3 năm vào năm 2008. Chênh lệch của SMAM giữa nam và nữ ở thành thị cao

There was differential in SMAM by place of residence. For both sexes, SMAM of those who residing in urban areas was higher than that of those who living in rurala areas. From 2006 to 2008. SMAM for males living in urban areas was 2.5 years higher than that of who living in rural areas. The urban-rural differential in SMAM for females was 2.1 years in 2006 and up to 2.3 years in 2008. The sex

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor